

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐÃ HOÀN THÀNH BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ, ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH THEO TIÊU CHUẨN TRONG NƯỚC
(Dữ liệu cập nhật đến ngày 30/9/2024)

A. SỐ LIỆU TỔNG HỢP

I. Thông tin chung

1	Số chương trình đào tạo đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá	1.936
2	Số chương trình đào tạo được đánh giá ngoài	1.660
3	Số chương trình đào tạo đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng	1.473

II. Số lượng các chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước

TT	Tên tổ chức KĐCLGD	CTĐT	
		Đánh giá	Công nhận
1	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-CEA)	520	471
2	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (VNU-HCM CEA)	255	225
3	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C)	210	187
4	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng (CEA-UD)	96	89
5	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh (VU-CEA)	243	228
6	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long (CEA-THANGLONG)	150	111
7	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn (CEA-SAIGON)	186	162
	Tổng	1.660	1.473

B. DANH SÁCH CHI TIẾT

1. Chương trình đào tạo (CTĐT) các trình độ của giáo dục đại học (GDDH)

STT	Tên cơ sở giáo dục	STT	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
1	Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội	1.	Khai thác vận tải	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 86% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		2.	Kinh tế vận tải	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 88% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		3.	Kinh tế xây dựng	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 86% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		4.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 86% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		5.	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình tiên tiến chuyên sâu xây dựng công trình giao thông)	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 88% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		6.	Công nghệ kỹ thuật giao thông	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		7.	Công nghệ thông tin	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		8.	Kỹ thuật điện	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		9.	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		10.	Kỹ thuật nhiệt	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		11.	Kỹ thuật xây dựng	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		12.	Quản trị kinh doanh	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
2	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội	13.	Tâm lý học	2016	3/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (30/9/2017)	Cập nhật 30/9/2017
		14.	Việt Nam học	2016	3/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 82% (30/9/2017)	Cập nhật 30/9/2017
		15.	Quốc tế học	2018	4/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019

		16.	Lưu trữ học	2019	01/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		17.	Đô thị học	2021			Cập nhật 30/12/2021
		18.	Ngôn ngữ Nga	2021			Cập nhật 30/12/2021
		19.	Báo chí	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		20.	Quan hệ công chúng	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		21.	Khoa học quản lý	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		22.	Tôn giáo học	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		23.	Việt Nam học	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		24.	Quản trị khách sạn	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		25.	Quản trị văn phòng	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		26.	Đông phương học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		27.	Ngôn ngữ học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		28.	Triết học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		29.	Văn học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		30.	Quản lý thông tin	9/2023	01/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024

		31.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	9/2023	01/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		32.	Thông tin thư viện	9/2023	01/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		33.	Quản lý thông tin	12/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (08/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		34.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (08/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		35.	Thông tin Thư viện	12/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (08/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		36.	Đông Nam Á học	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		37.	Hán Nôm	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		38.	Nhật Bản học	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		39.	Chính trị học (trình độ thạc sĩ)	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		40.	Khoa học quản lý (trình độ thạc sĩ)	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		41.	Quản trị báo chí truyền thông (trình độ thạc sĩ)	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
3	Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	42.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (trình độ thạc sĩ)	8/2017	10/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/01/2018)	Cập nhật 31/01/2018
		43.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn ngữ văn (trình độ thạc sĩ)	7/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		44.	Sư phạm Toán học	7/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019

		45.	Sư phạm Ngữ văn	7/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		46.	Sư phạm Hoá học	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		47.	Sư phạm Lịch sử	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		48.	Sư phạm Sinh học	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		49.	Sư phạm Vật lý	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		50.	Quản lý giáo dục (Trình độ thạc sĩ)		12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (03/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		51.	Đo lường và đánh giá trong giáo dục (Trình độ thạc sĩ)		12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		52.	Quản lý giáo dục (Trình độ thạc sĩ)		12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (03/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		53.	Sư phạm Khoa học tự nhiên	6/2024	8/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/8/2024
		54.	Quản trị công nghệ giáo dục	6/2024	8/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/8/2024
		55.	Quản trị chất lượng giáo dục	6/2024	8/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/8/2024
		56.	Quản trị trường học	6/2024	8/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/8/2024
		57.	Tham vấn học đường	6/2024	8/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/8/2024

4	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	58.	Tài chính - Ngân hàng	9/2017	12/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (02/7/2018)	Cập nhật 31/7/2018
		59.	Kế toán	10/2017	01/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (02/7/2018)	Cập nhật 31/7/2018
		60.	Kinh tế	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		61.	Kinh tế phát triển	2020	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (07/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		62.	Kinh tế quốc tế	2022	4/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (29/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		63.	Quản trị kinh doanh	2022	4/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (29/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		64.	Tài chính - Ngân hàng	9/2023	11/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 100% (07/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		65.	Kế toán	9/2023	11/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 100% (07/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
5	Trường Đại học Vinh	66.	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng	11/2018	12/2018 (VNU-CEA)	Đạt 92% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		67.	Ngôn ngữ Anh	11/2018	12/2018 (VNU-CEA)	Đạt 90% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		68.	Quản trị kinh doanh	11/2018	12/2018 (VNU-CEA)	Đạt 92% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		69.	Sư phạm Hóa	10/2019	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		70.	Giáo dục Tiểu học	10/2019	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 96% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		71.	Luật Kinh tế	9/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (21/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		72.	Giáo dục Mầm non	9/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (21/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		73.	Kế toán	9/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (21/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		74.	Quản lý giáo dục (CTĐT thạc sĩ)	02/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (05/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024

		75.	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	02/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 94% (05/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		76.	Kỹ thuật xây dựng (CTĐT thạc sĩ)	02/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 94% (05/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		77.	Khoa học cây trồng (CTĐT thạc sĩ)	02/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 94% (05/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		78.	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật (CTĐT thạc sĩ)	02/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 90% (05/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		79.	Sư phạm Ngữ văn	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 98% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		80.	Sư phạm Địa lý	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 96% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		81.	Công nghệ Thực phẩm	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 94% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		82.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 94% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		83.	Sư phạm Tiếng Anh	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		84.	Sư phạm Lịch sử	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		85.	Giáo dục thể chất	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		86.	Tài chính - Ngân hàng	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		87.	Kinh tế Xây dựng	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 96% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		88.	Kĩ sư Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 96% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		89.	Quản lý giáo dục	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		90.	Kĩ sư Nuôi trồng thủy sản	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 96% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		91.	Luật	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		92.	Kĩ sư Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		93.	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		94.	Quản lý tài nguyên và môi trường	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		95.	Công tác xã hội	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		96.	Sư phạm Vật lý	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		97.	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		98.	Quản lý giáo dục	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		99.	Quản trị kinh doanh	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		100.	Kỹ thuật xây dựng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		101.	Khoa học cây trồng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		102.	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		103.	Công nghệ thông tin (trình độ thạc sĩ)		8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
		104.	Giáo dục học (trình độ thạc sĩ)		8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
		105.	Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán (trình độ thạc sĩ)		8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
		106.	Lý luận và phương pháp dạy học môn Sinh học (trình độ thạc sĩ)		8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
		107.	Lý luận và phương pháp dạy học môn Tiếng Anh (trình độ thạc sĩ)		8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
		108.	Giáo dục Quốc phòng – An Ninh		8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
		109.	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		110.	Điều dưỡng	9/2024			Cập nhật 30/9/2024

		111.	Kỹ thuật xây dựng	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		112.	Ngôn ngữ Anh	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		113.	Quản lý nhà nước	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		114.	Sư phạm Tin học	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		115.	Sư phạm Vật lý	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	116.	Sư phạm Hóa học (Chương trình chất lượng cao)	4/2018	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 84% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		117.	Giáo dục Tiểu học	4/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 80% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		118.	Sư phạm Tin học	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		119.	Sư phạm Sinh học	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		120.	Sư phạm Tiếng Anh	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		121.	Giáo dục Mầm non	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		122.	Giáo dục Đặc biệt	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		123.	Công tác xã hội	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		124.	Việt Nam học	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		125.	Tâm lý học giáo dục	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		126.	Sư phạm Vật lý	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		127.	Sư phạm Toán học	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		128.	Sư phạm Ngữ văn	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		129.	Sư phạm Lịch sử	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		130.	Sư phạm Địa lý	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		131.	Giáo dục thể chất	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		132.	Giáo dục công dân	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		133.	Sư phạm Công nghệ	6/2024	9/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		134.	Sư phạm Tiếng Pháp	6/2024	9/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		135.	Sư phạm Âm nhạc	6/2024	9/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		136.	Sư phạm Mỹ thuật	6/2024	9/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		137.	Giáo dục chính trị	6/2024	9/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
7	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	138.	Điều dưỡng	12/2018 9/2024	01/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (01/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019 30/9/2024
		139.	Hộ sinh	3/2022	6/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (18/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		140.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	10/2022	8/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (02/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
8	Trường Đại học Sài Gòn	141.	Giáo dục tiểu học	9/2018	12/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		142.	Sư phạm tiếng Anh	9/2018	03/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 80% (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		143.	Sư phạm Lịch sử	9/2018	03/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		144.	Toán - ứng dụng	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

		145.	Quản trị kinh doanh	9/2019	6/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 84% (14/12/2020)	Cập nhật 31/01/2021
		146.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	9/2019	6/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (14/12/2020)	Cập nhật 31/01/2021
		147.	Công nghệ thông tin	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		148.	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		149.	Luật	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		150.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		151.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 80% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		152.	Quản lý Giáo dục	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		153.	Sư phạm Ngữ văn	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		154.	Sư phạm Địa lý	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		155.	Sư phạm Vật lý	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		156.	Kế toán	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		157.	Giáo dục Mầm non	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		158.	Sư phạm Sinh học	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		159.	Toán Giải tích (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		160.	Quản lý Giáo dục (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		161.	Lịch sử Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023

		162.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		163.	Hóa hữu cơ (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		164.	Ngôn ngữ học (trình độ thạc sĩ)	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		165.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		166.	Việt Nam học	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		167.	Quốc tế học	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		168.	Ngôn ngữ Anh	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		169.	Giáo dục Chính trị	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		170.	Sư phạm Mỹ thuật	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		171.	Sư phạm Âm nhạc	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		172.	Tâm lý học	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		173.	Thông tin - Thư viện	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		174.	Quản trị văn phòng	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		175.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		176.	Kinh doanh quốc tế	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		177.	Kỹ thuật phần mềm	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		178.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		179.	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024

		180.	Kỹ thuật điện	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		181.	Công nghệ thông tin	02/2024	12/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		182.	Luật dân sự và tố tụng dân sự (trình độ thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		183.	Sư phạm Khoa học tự nhiên	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		184.	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
9	Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh	185.	Công nghệ sinh học	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 82% (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		186.	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		187.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA) 10/2019 (VNU-HCM CEA) - ĐGL	Đạt 80% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		188.	Công nghệ thông tin	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 80% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		189.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 84% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		190.	Kế toán	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		191.	Quản trị kinh doanh	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		192.	Công nghệ chế biến thủy sản	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		193.	Tài chính - Ngân hàng	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

		194.	Công nghệ chế tạo máy	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		195.	Kỹ thuật môi trường (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		196.	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		197.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		198.	Ngôn ngữ Anh	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		199.	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		200.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		201.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		202.	Công nghệ dệt, may	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		203.	Quản lý tài nguyên và môi trường	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		204.	Công nghệ sinh học (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		205.	Tài chính - ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		206.	Kỹ thuật cơ khí (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		207.	Kỹ thuật hóa học (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		208.	An toàn thông tin	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		209.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		210.	Khoa học chế biến món ăn	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		211.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

10	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế	212.	Điều dưỡng	12/2018	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		213.	Y tế công cộng	12/2018	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		214.	Dược học	12/2018	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
11	Trường Đại học Đồng Tháp	215.	Sư phạm Hóa học	02/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		216.	Sư phạm Toán học	02/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		217.	Giáo dục tiểu học	02/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		218.	Sư phạm Tiếng Anh	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		219.	Giáo dục Chính trị	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		220.	Sư phạm Ngữ văn	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		221.	Quản trị kinh doanh	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		222.	Giáo dục thể chất	8/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		223.	Khoa học môi trường	8/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		224.	Ngôn ngữ Anh	8/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		225.	Giáo dục Mầm non	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		226.	Khoa học máy tính	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		227.	Sư phạm Địa lý	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		228.	Sư phạm Lịch sử	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		229.	Sư phạm Vật lý	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022

		230.	Việt Nam học	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		231.	Giáo dục Mầm non (CTĐT CĐ)	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		232.	Kế toán	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		233.	Nông học	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		234.	Sư phạm Âm nhạc	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		235.	Sư phạm Mỹ thuật	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		236.	Sư phạm Sinh học	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		237.	Sư phạm Tin học	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		238.	Nuôi trồng thủy sản	6/2024	8/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2024
		239.	Quản lý văn hóa	6/2024	8/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2024
		240.	Tài chính - Ngân hàng	6/2024	8/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2024
		241.	Hóa lý thuyết và Hóa lý (trình độ thạc sĩ)	6/2024	8/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2024
		242.	Lý luận và phương pháp dạy học Bộ môn Toán (trình độ thạc sĩ)	6/2024	8/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2024
12	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	243.	Sư phạm Ngữ văn	01/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 94% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		244.	Sư phạm Lịch sử	01/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 94% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		245.	Giáo dục mầm non	01/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		246.	Sư phạm Sinh học	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		247.	Sư phạm Toán	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019

		248.	Sư phạm Hóa học	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		249.	Sư phạm Vật lý	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		250.	Giáo dục chính trị	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		251.	Giáo dục Thể chất	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		252.	Giáo dục Tiểu học	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		253.	Sư phạm Địa lý	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		254.	Sư phạm tiếng Anh	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		255.	Sư phạm Tâm lý	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		256.	Sư phạm Tin học	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		257.	Hóa vô cơ (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		258.	Di truyền học (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		259.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		260.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
13	Trường Đại học Thủy lợi	261.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	11/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		262.	Quản lý xây dựng	11/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		263.	Kế toán	11/2018	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 88% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		264.	Kinh tế	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		265.	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020

		266.	Kỹ thuật xây dựng	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		267.	Quản trị kinh doanh	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		268.	Kỹ thuật Môi trường	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		269.	Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		270.	Kỹ thuật Tài nguyên nước	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		271.	Kỹ thuật Cơ khí	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		272.	Công nghệ thông tin	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
14	Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	273.	Kinh doanh quốc tế	10/2018	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		274.	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	4/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/7/2022
		275.	Hệ thống thông tin	12/2023	01/2024 (VU-CEA)	Đạt 92% (06/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		276.	Tin học và Kỹ thuật máy tính	12/2023	01/2024 (VU-CEA)	Đạt 92% (06/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
15	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	277.	Quản trị khách sạn	3/2019	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		278.	Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử	3/2019	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		279.	Dược học	9/2019	12/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (18/5/2020)	Cập nhật 31/5/2020
		280.	Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 94% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		281.	Kỹ thuật Xây dựng	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		282.	Luật Kinh tế	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 92% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		283.	Ngôn ngữ Trung Quốc	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		284.	Kiến trúc	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (14/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		285.	Công nghệ thông tin (trình độ thạc sĩ)	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		286.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	10/2021	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (27/01/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		287.	Việt Nam học	10/2021	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (27/01/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		288.	Điều dưỡng	3/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/01/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		289.	Quản trị nhân lực	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		290.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		291.	Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		292.	Du lịch (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		293.	Đông phương học	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023

		294.	Quản lý tài nguyên và môi trường	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		295.	Thiết kế nội thất	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		296.	Thanh nhạc	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		297.	Y học dự phòng	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		298.	Dược học	02/2024	3/2024 (VNU-CEA)	Đạt 96% (03/6/2024)	Cập nhật 30/6//2024
		299.	Quản trị khách sạn	02/2024	3/2024 (VNU-CEA)	Đạt 94% (03/6/2024)	Cập nhật 30/6//2024
		300.	Công nghệ thông tin	02/2024	3/2024 (VNU-CEA)	Đạt 96% (03/6/2024)	Cập nhật 30/6//2024
		301.	Quản trị kinh doanh	02/2024	3/2024 (VNU-CEA)	Đạt 96% (03/6/2024)	Cập nhật 30/6//2024
		302.	Tài chính – Ngân hàng	02/2024	3/2024 (VNU-CEA)	Đạt 96% (03/6/2024)	Cập nhật 30/6//2024
		303.	Du lịch	02/2024	3/2024 (VNU-CEA)	Đạt 96% (03/6/2024)	Cập nhật 30/6//2024
		304.	Marketing	02/2024	3/2024 (VNU-CEA)	Đạt 94% (03/6/2024)	Cập nhật 30/6//2024
		305.	Vật lý y khoa	02/2024	3/2024 (VNU-CEA)	Đạt 90% (03/6/2024)	Cập nhật 30/6//2024
		306.	Truyền thông đa phương tiện	02/2024	3/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/6/2024)	Cập nhật 30/6//2024

		307.	Ngôn ngữ Anh	02/2024	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		308.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	02/2024	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		309.	Tâm lý học	02/2024	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		310.	Thiết kế đồ họa	02/2024	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		311.	Công nghệ kỹ thuật hóa học	02/2024	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		312.	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	02/2024	3/2024 (VNU-CEA)	Đạt 92% (03/6/2024)	Cập nhật 30/6/2024
16	Trường Đại học Nam Cần Thơ	313.	Quản trị kinh doanh	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		314.	Dược học	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		315.	Luật Kinh tế	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		316.	Kỹ thuật xây dựng	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		317.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		318.	Công nghệ thông tin	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		319.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		320.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		321.	Công nghệ thực phẩm	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		322.	Luật	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023

		323.	Kỹ thuật hình ảnh y học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		324.	Xét nghiệm y học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		325.	Ngôn ngữ Anh	02/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		326.	Dược học	02/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		327.	Quản trị kinh doanh	02/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		328.	Quan hệ công chúng	02/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 84% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		329.	Kỹ thuật xây dựng	02/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		330.	Quản trị khách sạn	02/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 84% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		331.	Luật kinh tế	02/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		332.	Luật kinh tế (CTĐT thạc sĩ)	02/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		333.	Kế toán	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		334.	Kinh doanh quốc tế	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		335.	Kiến trúc	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		336.	Kỹ thuật cơ khí động lực	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		337.	Marketing	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		338.	Y Khoa	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		339.	Tài chính - Ngân hàng	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
17	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	340.	Kế toán	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019

		341.	Quản trị kinh doanh	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		342.	Kỹ thuật địa chất	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		343.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		344.	Công nghệ thông tin	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		345.	Kỹ thuật Dầu khí	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		346.	Kỹ thuật Mỏ	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		347.	Kỹ thuật Môi trường	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		348.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		349.	Kỹ thuật Tuyển khoáng	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		350.	Kỹ thuật Xây dựng	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		351.	Kỹ thuật điện	3/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (17/3/2023)	Cập nhật 31/3/2022
		352.	Kỹ thuật cơ khí	3/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (17/3/2023)	Cập nhật 31/3/2022
		353.	Quản lý đất đai	3/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (17/3/2023)	Cập nhật 31/3/2022
18	Trường Đại học Y Dược - ĐH Quốc gia Hà Nội	354.	Dược học	01/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		355.	Y khoa	02/2020	5/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		356.	Kỹ thuật Hình ảnh Y Học	12/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 84% (18/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		357.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y Học	12/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 84% (18/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024

		358.	Răng Hàm Mặt	12/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 84% (18/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		359.	Nhân khoa (trình độ thạc sỹ)	12/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 84% (18/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		360.	Nhi khoa (trình độ thạc sỹ)	12/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (18/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		361.	Răng Hàm Mặt (trình độ thạc sỹ)	12/2023			
19	Trường Đại học Tài chính - Marketing	362.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sỹ)	02/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		363.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sỹ)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		364.	Quản trị Marketing (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		365.	Quản trị kinh doanh tổng hợp (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		366.	Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		367.	Tài chính - Ngân hàng	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		368.	Marketing	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		369.	Quản trị kinh doanh	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		370.	Kinh doanh Quốc tế	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		371.	Bất động sản	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		372.	Ngôn ngữ Anh	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		373.	Hệ thống thông tin quản lý	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		374.	Kế toán	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		375.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		376.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		377.	Quản trị khách sạn	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		378.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		379.	Kinh doanh quốc tế (CTĐT chất lượng cao);	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		380.	Tài chính - Ngân hàng (CTĐT chất lượng cao);	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		381.	Kinh doanh quốc tế (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		382.	Marketing (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		383.	Quản trị kinh doanh (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		384.	Kinh tế	3/2024			Cập nhật 31/3/2024
		385.	Quản trị kinh doanh (chương trình đào tạo tích hợp)	3/2024	6/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (15/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		386.	Marketing (chương trình đào tạo tích hợp)	3/2024	6/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (15/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		387.	Kinh tế	3/2024	6/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (15/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		388.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	3/2024	6/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (15/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		389.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	3/2024	6/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (15/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
20	Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên	390.	Bác sỹ chuyên khoa I	7/2019	8/2019 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/8/2019
		391.	Y học Dự phòng (trình độ thạc sĩ)	7/2019	8/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020

		392.	Bác sỹ Răng Hàm Mặt	7/2019	8/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
21	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	393.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		394.	Công nghệ thực phẩm	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		395.	Công nghệ thông tin	7/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		396.	Kế toán	7/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		397.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		398.	Công nghệ Chế tạo máy	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (11/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		399.	Ngôn ngữ Anh	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (11/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		400.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		401.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	6/2022	8/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		402.	Quản trị kinh doanh	6/2022	8/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		403.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6/2022	8/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
22	Trường Đại học Hà Nội	404.	Công nghệ thông tin	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		405.	Ngôn ngữ Nhật	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		406.	Ngôn ngữ Trung Quốc	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		407.	Ngôn ngữ Anh	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		408.	Ngôn ngữ Đức	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021

		409.	Ngôn ngữ Pháp	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		410.	Quản trị kinh doanh	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (17/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		411.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (17/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		412.	Kế toán	10/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (04/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		413.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (04/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		414.	Ngôn ngữ Italia	10/2023	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 92% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		415.	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	10/2023	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 92% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		416.	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	10/2023	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 90% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		417.	Ngôn ngữ Nga	10/2023	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 92% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		418.	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	4/2024	8/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2024
		419.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	4/2024	8/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2024
		420.	Quốc tế học	4/2024	8/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2024
23	Trường Đại học Nha Trang	421.	Công nghệ chế biến thủy sản	02/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		422.	Kỹ thuật tàu thủy	02/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		423.	Công nghệ sinh học	02/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (16/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		424.	Nuôi trồng thủy sản	02/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (16/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		425.	Công nghệ thông tin	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023

		426.	Kế toán	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		427.	Quản trị khách sạn	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		428.	Quản trị kinh doanh	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		429.	Quản lý thủy sản	9/2023	5/2024 (CEA-UD)	Đạt 90% (05/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		430.	Công nghệ thực phẩm	9/2023	5/2024 (CEA-UD)	Đạt 94% (05/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		431.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	9/2023	5/2024 (CEA-UD)	Đạt 92% (05/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		432.	Kỹ thuật cơ khí	4/2024	9/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/9/2024
		433.	Kinh doanh thương mại	4/2024	9/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/9/2024
		434.	Kỹ thuật xây dựng	4/2024	9/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/9/2024
		435.	Kỹ thuật Điện	4/2024	9/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/9/2024
		436.	Kỹ thuật Ô tô	4/2024	9/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/9/2024
		437.	Tài chính ngân hàng	4/2024	9/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/9/2024
		438.	Ngôn ngữ Anh	4/2024	9/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/9/2024
24	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	439.	Kế toán	7/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		440.	Công nghệ Thông tin	7/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		441.	Kỹ thuật điện	10/2019	11/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		442.	Quản trị kinh doanh	10/2019	11/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020

		443.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		444.	Kỹ thuật cơ khí	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 94% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		445.	Luật kinh tế	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		446.	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		447.	Thiết kế thời trang	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		448.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		449.	Công nghệ sinh học	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		450.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		451.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		452.	Dược học	4/2021			Cập nhật 30/4/2021
		453.	Ngôn ngữ Nhật	4/2021			Cập nhật 30/4/2021
		454.	Tâm lý học	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		455.	Marketing	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		456.	Kiến trúc	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		457.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		458.	Công nghệ Thông tin (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		459.	Kỹ thuật điện (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		460.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

		461.	An toàn thông tin	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 100% (18/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		462.	Quản trị khách sạn	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 98% (18/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		463.	Thiết kế đồ họa	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 92% (18/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		464.	Thú y	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 100% (18/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
25	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh	465.	Tài chính - Ngân hàng	10/2019	12/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		466.	Quản trị kinh doanh	3/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		467.	Ngôn ngữ Anh	3/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		468.	Luật kinh tế	12/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		469.	Kế toán	12/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		470.	Marketing	12/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		471.	Công nghệ thông tin	12/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		472.	Kinh doanh quốc tế	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 92% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		473.	Quan hệ công chúng	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 94% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		474.	Quản trị khách sạn	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

		475.	Quản trị nhân lực	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		476.	Luật quốc tế	7/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		477.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		478.	Thương mại điện tử	7/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		479.	Quan hệ Quốc tế	10/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (17/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		480.	Ngôn ngữ Nhật	10/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (17/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		481.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	11/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (17/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		482.	Luật Kinh tế (trình độ thạc sĩ)	6/2024	8/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/8/2024
		483.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	6/2024	8/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/8/2024
		484.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	6/2024	8/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/8/2024
26	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	485.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	29/01/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		486.	Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững	29/01/2019			Cập nhật 31/01/2019
		487.	Công nghệ Thông tin	29/01/2019	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		488.	Khí tượng Thủy văn học	29/01/2019	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		489.	Kế toán	29/01/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 80% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020

		490.	Quản lý đất đai	29/01/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		491.	Quản lý tài nguyên và môi trường	01/2021	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (05/4/2021)	Cập nhật 31/01/2021
		492.	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	01/2021	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 31/01/2021
		493.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	01/2021	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 31/01/2021
		494.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		495.	Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững	9/2023	12/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		496.	Khí tượng và khí hậu học	9/2023	12/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		497.	Kỹ thuật địa chất	9/2023	12/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		498.	Quản lý biển	9/2023	12/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		499.	Quản lý tài nguyên nước	9/2023	12/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		500.	Quản trị kinh doanh	9/2023	12/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		501.	Khoa học môi trường (trình độ thạc sĩ)	9/2023	12/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
27	Trường Đại học Thủ Dầu Một	502.	Sư phạm Ngữ văn	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		503.	Sư phạm Lịch sử	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		504.	Giáo dục Tiểu học	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		505.	Giáo dục Mầm non	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		506.	Giáo dục học	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		507.	Quản lý Tài nguyên - Môi trường	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021

		508.	Luật	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		509.	Ngôn ngữ Anh	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		510.	Công tác xã hội	10/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		511.	Kiến trúc	10/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		512.	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		513.	Quản lý nhà nước	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		514.	Quản lý công nghiệp	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		515.	Ngôn ngữ Trung Quốc	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		516.	Quản lý đất đai	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		517.	Ngôn ngữ Anh (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		518.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		519.	Công tác xã hội (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		520.	Quản lý giáo dục (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		521.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		522.	Hệ thống thông tin	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
		523.	Khoa học môi trường	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
		524.	Kế toán	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
		525.	Tâm lý học	8/2024			Cập nhật 31/8/2024

		526.	Toán học	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		527.	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		528.	Thiết kế đồ họa	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		529.	Khoa học môi trường (trình độ thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		530.	Hệ thống thông tin (trình độ thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		531.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		532.	Luật kinh tế (trình độ thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
28	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	533.	Kế toán	9/2019	10/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (06/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		534.	Quản trị kinh doanh	9/2019	10/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (06/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		535.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	9/2019	10/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		536.	Tài chính - Ngân hàng	11/2019	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		537.	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	11/2019	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		538.	Công nghệ Thực phẩm	11/2019	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		539.	Công nghệ Dệt, may	03/2020	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		540.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	03/2020	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		541.	Công nghệ thông tin	03/2020	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		542.	Kinh doanh thương mại	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		543.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		544.	Ngôn ngữ Anh	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (02/01/2024)	Cập nhật 02/01/2024
		545.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (02/01/2024)	Cập nhật 02/01/2024
		546.	Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (02/01/2024)	Cập nhật 02/01/2024
		547.	Công nghệ Sợi, dệt	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (02/01/2024)	Cập nhật 02/01/2024
		548.	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (02/01/2024)	Cập nhật 02/01/2024
29	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế	549.	Sư phạm Hóa học	9/2019	11/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		550.	Sư phạm Ngữ văn	9/2019	11/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		551.	Sư phạm Địa lý	9/2019	11/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		552.	Giáo dục Tiểu học	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		553.	Giáo dục Chính trị	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 92% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		554.	Giáo dục mầm non	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		555.	Sư phạm Lịch sử	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		556.	Sư phạm Sinh học	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		557.	Sư phạm Tin học	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		558.	Sư phạm Vật lý	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		559.	Tâm lý Giáo dục	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
30	Trường Đại học Tây Đô	560.	Quản trị Kinh doanh	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020

		561.	Kế toán tổng hợp	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		562.	Tài chính - Ngân hàng	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		563.	Dược học	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		564.	Luật Kinh tế	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		565.	Quản trị Dịch vụ Du lịch Lữ hành	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		566.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		567.	Quản trị Kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		568.	Dược lý - Dược lâm sàng (trình độ thạc sĩ)	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		569.	Điều dưỡng	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		570.	Công nghệ thông tin	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		571.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		572.	Kinh doanh quốc tế	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		573.	Marketing	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		574.	Quản trị khách sạn	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		575.	Thú y	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
31	Trường Đại học Thương mại	576.	Kế toán	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		577.	Marketing	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		578.	Tài chính - Ngân hàng	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020

		579.	Kế toán (Chương trình chất lượng cao)	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		580.	Tài chính - Ngân hàng (Chương trình chất lượng cao)	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		581.	Kinh tế	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		582.	Luật kinh tế	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		583.	Thương mại điện tử	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		584.	Hệ thống thông tin quản lý	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		585.	Quản trị nhân lực	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		586.	Quản trị kinh doanh	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		587.	Quản trị khách sạn	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		588.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		589.	Kinh doanh quốc tế	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		590.	Kinh tế quốc tế	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		591.	Ngôn ngữ Anh	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		592.	Kiểm toán	12/2023	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 98% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		593.	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	12/2023	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 94% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
32	Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	594.	Quản lý công (trình độ thạc sĩ)	12/2019	6/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80% 17/8/2020	Cập nhật 31/8/2020
		595.	Công nghệ thực phẩm	9/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023

33	Trường Đại học Ngoại thương	596.	Kinh doanh quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		597.	Kinh tế và phát triển quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		598.	Phân tích và Đầu tư tài chính	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		599.	Luật Thương mại quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		600.	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		601.	Ngôn ngữ Pháp (Tiếng Pháp thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		602.	Ngôn ngữ Nhật (Tiếng Nhật thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		603.	Ngôn ngữ Trung (Tiếng Trung thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		604.	Kinh tế đối ngoại	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		605.	Ngân hàng	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		606.	Tài chính quốc tế	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		607.	Thương mại quốc tế	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
34	Trường Đại học Hùng Vương (Phú Thọ)	608.	Công nghệ thông tin	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		609.	Kế toán	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 82% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		610.	Giáo dục Tiểu học	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		611.	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		612.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 80% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

		613.	Giáo dục mầm non	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		614.	Thú Y	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
35	Trường Đại học Quy Nhơn	615.	Sư phạm Toán học	2019	01/2020 (CEA-UD)	Đạt 86% (02/7/2020)	Cập nhật 31/7/2020
		616.	Sư phạm Hóa học	2019	01/2020 (CEA-UD)	Đạt 82% (02/7/2020)	Cập nhật 31/7/2020
		617.	Kỹ thuật điện	2019	01/2020 (CEA-UD)	Đạt 84% (02/7/2020)	Cập nhật 31/7/2020
		618.	Giáo dục Tiểu học	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		619.	Giáo dục Mầm non	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		620.	Kế toán	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		621.	Tài chính - Ngân hàng	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 92% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		622.	Công nghệ thông tin	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		623.	Ngôn ngữ Anh	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		624.	Quản lý Nhà nước	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		625.	Giáo dục Thể chất	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 92% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		626.	Công tác xã hội	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		627.	Vật lý chất rắn (trình độ thạc sĩ)	3/2022	9/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		628.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	3/2022	9/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		629.	Khoa học Dữ liệu (trình độ thạc sĩ)	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		630.	Sư phạm Ngữ văn	7/2023	3/2024 (CEA-UD)	Đạt 92% (18/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024

		631.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	7/2023	3/2024 (CEA-UD)	Đạt 90% (18/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		632.	Quản trị khách sạn	7/2023	3/2024 (CEA-UD)	Đạt 90% (18/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		633.	Nông học	7/2023	3/2024 (CEA-UD)	Đạt 90% (18/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		634.	Kỹ thuật điện (CTĐT thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		635.	Ngôn ngữ Anh	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		636.	Quản trị kinh doanh	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		637.	Su phạm Tiếng Anh	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		638.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
36	Trường Đại học Lâm nghiệp	639.	Quản trị kinh doanh	2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		640.	Quản lý tài nguyên rừng	2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		641.	Quản lý đất đai	2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		642.	Công nghệ sinh học	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		643.	Công nghệ chế biến lâm sản	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		644.	Kỹ thuật xây dựng	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		645.	Lâm sinh	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		646.	Kế toán	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		647.	Thiết kế nội thất	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		648.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023

		649.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		650.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		651.	Thú y	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		652.	Kiến trúc cảnh quan	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		653.	Công tác xã hội	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		654.	Kinh tế	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		655.	Quản trị du lịch và Lữ hành	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		656.	Quản lý tài nguyên rừng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
37	Học viện Chính sách và Phát triển	657.	Kinh tế	3/2020	6/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		658.	Kinh tế Quốc tế	3/2020	6/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		659.	Quản trị kinh doanh	3/2020	6/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		660.	Tài chính - Ngân hàng	02/2023	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		661.	Quản lý nhà nước	02/2023	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
38	Trường Đại học Hòa Bình	662.	Công nghệ Thông tin	7/2020	8/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		663.	Tài chính - Ngân hàng	7/2020	8/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		664.	Thiết kế đồ họa	7/2020	8/2020 (VU-CEA)	Đạt 84% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		665.	Quan hệ công chúng	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		666.	Kế toán	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

		667.	Quản trị Kinh doanh	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		668.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		669.	Luật kinh tế (trình độ Thạc sĩ)	8/2024	9/2024 (VU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		670.	Luật kinh tế	8/2024	9/2024 (VU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		671.	Dược học	8/2024	9/2024 (VU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		672.	Điều dưỡng	8/2024	9/2024 (VU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		673.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8/2024	9/2024 (VU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		674.	Ngôn ngữ Anh	8/2024	9/2024 (VU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
39	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	675.	Kinh tế học	3/2020	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		676.	Quản trị Khách sạn	3/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		677.	Kinh doanh quốc tế	3/2020	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		678.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		679.	Marketing	3/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		680.	Quản trị công và Chính sách bằng tiếng Anh	3/2020	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		681.	Kinh tế phát triển	12/2021	3/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		682.	Kinh tế đầu tư	12/2021	3/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		683.	Quản trị nhân lực	12/2021	3/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		684.	Kinh tế và Quản lý đô thị	12/2021	3/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022

		685.	Hệ thống thông tin quản lý học	12/2021	3/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 82% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		686.	Bảo hiểm	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		687.	Kinh tế nông nghiệp	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		688.	Thống kê kinh tế	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		689.	Ngôn ngữ Anh	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		690.	Luật	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
40	Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	691.	Công nghệ thông tin	6/2020	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (19/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		692.	Quản trị logistic & Vận tải đa phương thức	6/2020	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (19/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		693.	Kinh tế vận tải	7/2022	11/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/3/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		694.	Kinh tế xây dựng	7/2022	11/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/3/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		695.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7/2022	11/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/3/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		696.	Kỹ thuật xây dựng	4/2023	3/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		697.	Kỹ thuật điện	4/2023	3/2024 (CEA-SAGON)	Đạt 88% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		698.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2023	3/2024 (CEA-SAGON)	Đạt 88% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		699.	Kỹ thuật cơ khí	8/2023	3/2024 (CEA-SAGON)	Đạt 86% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		700.	Kỹ thuật ô tô	8/2023	3/2024 (CEA-SAGON)	Đạt 86% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024

41	Trường Đại học Văn Lang	701.	Kế toán	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
		702.	Quản trị Khách sạn	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
		703.	Ngôn ngữ Anh	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
		704.	Kỹ thuật công trình xây dựng	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		705.	Tài chính - Ngân hàng	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		706.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		707.	Kỹ thuật Nhiệt	3/2021			Cập nhật 31/3/2021
		708.	Kinh doanh Thương mại	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		709.	Kiến trúc	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		710.	Công nghệ Sinh học	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		711.	Quản trị kinh doanh	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		712.	Quan hệ Công chúng	3/2021	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		713.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	5/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 82% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		714.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	5/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		715.	Kiến trúc (trình độ thạc sĩ)	5/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023

		716.	Quản lý xây dựng	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		717.	Luật kinh tế	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		718.	Đông phương học	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		719.	Văn học	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		720.	Tâm lý học	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		721.	Thanh nhạc	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		722.	Kỹ thuật phần mềm	8/2023		Đạt 92% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		723.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	5/2024			Cập nhật 31/5/2024
		724.	Luật	5/2024	9/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/9/2024
		725.	Điều dưỡng	5/2024	9/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/9/2024
		726.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	5/2024			Cập nhật 31/5/2024
		727.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	5/2024	9/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/9/2024
		728.	Công nghệ thông tin	6/2024	9/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/9/2024
42	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	729.	Công nghệ Thông tin	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 86% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		730.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 88% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021

		731.	Sư phạm Ngữ văn	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		732.	Giáo dục Mầm non (trình độ cao đẳng)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
43	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hung Yên	733.	Công nghệ thông tin	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		734.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		735.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		736.	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		737.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		738.	Công nghệ chế tạo máy	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		739.	Công nghệ may	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		740.	Kế toán	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		741.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		742.	Quản trị kinh doanh	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
44	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	743.	Khoa học máy tính	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		744.	Ngôn ngữ Anh	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		745.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (CEA-UD)	Đạt 96% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023

45	Trường Đại học Cần Thơ	746.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (trình độ thạc sĩ)	8/2020	11/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2022
		747.	Sư phạm tiếng Anh	8/2020	11/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2022
		748.	Sư phạm Hóa học	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		749.	Sư phạm Sinh học	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		750.	Sư phạm Vật lý	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		751.	Kỹ thuật Cơ khí	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		752.	Sư phạm Ngữ văn	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		753.	Luật	10/2021	8/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		754.	Văn học	12/2021	8/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		755.	Kỹ thuật xây dựng	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		756.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		757.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		758.	Kỹ thuật vật liệu	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		759.	Triết học	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		760.	Hóa dược	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023

		761.	Kế toán	11/2022	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		762.	Quản trị kinh doanh	11/2022	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		763.	Giáo dục thể chất	11/2022	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		764.	Công nghệ kỹ thuật hóa học	8/2023	5/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (10/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		765.	Giáo dục công dân	8/2023	5/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (10/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		766.	Kỹ thuật môi trường	9/2023	5/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (10/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		767.	Quản lý giáo dục (trình độ thạc sĩ)	9/2023	5/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (10/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		768.	Chính trị học	11/2023	5/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (10/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		769.	Kinh doanh nông nghiệp	11/2023	5/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (10/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		770.	Sư phạm Tin học	11/2023	5/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (10/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		771.	Giáo dục tiểu học	11/2023	5/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (10/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		772.	Sư phạm Lịch sử	11/2023	5/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (10/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		773.	Sư phạm Địa lý	11/2023	5/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (10/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		774.	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	11/2023			
		775.	Kinh tế	11/2023	9/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/9/2024

		776.	Tài chính-Ngân hàng	11/2023	9/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		777.	Sư phạm Tiếng Pháp	01/2024	9/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		778.	Thông tin - Thư viện	01/2024	9/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		779.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	01/2024	9/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		780.	Luật Kinh tế (trình độ thạc sĩ)	01/2024	9/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/9/2024
46	Trường Đại học Phan Thiết	781.	Quản trị kinh doanh	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		782.	Quản trị khách sạn	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		783.	Công nghệ thông tin	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		784.	Ngôn ngữ Anh	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		785.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		786.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		787.	Tài chính - Ngân hàng	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		788.	Luật kinh tế	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
47	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây	789.	Kỹ thuật Xây dựng	9/2020	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		790.	Kiến trúc	12/2023	7/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2024

		791.	Kỹ thuật cấp thoát nước	12/2023	7/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2024
		792.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	12/2023	7/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2024
		793.	Kế toán	12/2023	7/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/7/2024
48	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	794.	Luật	9/2020	4/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		795.	Luật Thương mại quốc tế	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		796.	Quản trị - Luật	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		797.	Quản trị kinh doanh	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		798.	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Anh văn pháp lý	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		799.	Luật (chất lượng cao)	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		800.	Quản trị Luật (chất lượng cao)	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		801.	Quản trị kinh doanh (chất lượng cao)	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
49	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	802.	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		803.	Kiến trúc	5/2024	9/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/9/2024
		804.	Kỹ thuật cấp thoát nước	5/2024	9/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/9/2024
		805.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	5/2024	9/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/9/2024
		806.	Quản lý xây dựng,	5/2024	9/2024		Cập nhật

					(CEA-AVU&C)		30/9/2024
		807.	Kinh tế xây dựng	5/2024	9/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/9/2024
		808.	Kế toán	5/2024	9/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/9/2024
50	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	809.	Điều dưỡng	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		810.	Dược học	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		811.	Răng hàm mặt	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		812.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		813.	Y học dự phòng	10/2020			Cập nhật 30/11/2020
		814.	Y học cổ truyền	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		815.	Y khoa	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		816.	Y tế công cộng	10/2020			Cập nhật 30/11/2020
		817.	Nội khoa (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	02/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		818.	Ngoại khoa (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	02/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		819.	Nhi khoa (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	02/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		820.	Dược lý-Dược lâm sàng (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		821.	Răng hàm mặt (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024

		822.	Y học dự phòng (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		823.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
51	Trường Đại học Văn Hiến	824.	Công nghệ thông tin	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (08/3/2021)	Cập nhật 31/3/2021
		825.	Quản trị khách sạn	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (08/3/2021)	Cập nhật 31/3/2021
		826.	Đông phương học	4/2022	07/2022 (CEA-UD)	Đạt 86% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		827.	Tâm lý học	4/2022	07/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		828.	Ngôn ngữ Anh	4/2022	07/2022 (CEA-UD)	Đạt 88% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		829.	Ngôn ngữ Nhật	5/2023	9/2023 (CEA-UD)	Đạt 86% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		830.	Ngôn ngữ Trung Quốc	5/2023	9/2023 (CEA-UD)	Đạt 84% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		831.	Văn học (trình độ thạc sĩ)	5/2023	9/2023 (CEA-UD)	Đạt 90% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		832.	Du lịch	5/2024	8/2024 (CEA-UD)		Cập nhật 31/8/2024
		833.	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	5/2024			Cập nhật 31/5/2024
		834.	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5/2024			Cập nhật 31/5/2024
		835.	Xã hội học	5/2024	8/2024 (CEA-UD)		Cập nhật 31/8/2024
52	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	836.	Tài chính - Ngân hàng	11/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (24/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021

		837.	Kiểm toán	11/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (24/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		838.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	11/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (24/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		839.	Công nghệ Thông tin	01/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (25/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		840.	Ngôn ngữ Anh	01/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (25/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		841.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		842.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		843.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		844.	Ngôn ngữ Trung Quốc	8/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		845.	Quản trị kinh doanh	8/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		846.	Hệ thống thông tin	8/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		847.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		848.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		849.	Công nghệ kỹ thuật Máy tính	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		850.	Quản trị nhân lực	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		851.	Công nghệ dệt, may	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		852.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		853.	Thiết kế thời trang	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		854.	Kỹ thuật phần mềm	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		855.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		856.	Quản trị khách sạn	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		857.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		858.	Kế toán	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 96% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		859.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		860.	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	5/2024			Cập nhật 31/5/2024
		861.	Công nghệ thực phẩm	5/2024			Cập nhật 31/5/2024
		862.	Công nghệ vật liệu dệt, may	5/2024			Cập nhật 31/5/2024
		863.	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	5/2024			Cập nhật 31/5/2024
		864.	Du lịch	5/2024			Cập nhật 31/5/2024
		865.	Ngôn ngữ Nhật	5/2024			Cập nhật 31/5/2024
		866.	Kinh tế đầu tư	5/2024			Cập nhật 31/5/2024

		867.	Kỹ thuật Cơ điện tử (CTĐT thạc sĩ)	5/2024	6/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2024
		868.	Kỹ thuật điện tử (CTĐT thạc sĩ)	5/2024	6/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2024
		869.	Hệ thống thông tin (CTĐT thạc sĩ)	5/2024	6/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2024
		870.	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	5/2024	6/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2024
		871.	Công nghệ dệt may (CTĐT thạc sĩ)	5/2024	6/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2024
		872.	Ngôn ngữ Trung Quốc (CTĐT thạc sĩ)	5/2024			Cập nhật 31/5/2024
		873.	Ngôn ngữ Anh (CTĐT thạc sĩ)	5/2024	6/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2024
		874.	Marketing	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
53	Trường Đại học Hà Tĩnh	875.	Giáo dục mầm non	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		876.	Giáo dục chính trị	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		877.	Kế toán	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		878.	Công nghệ thông tin	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		879.	Ngôn ngữ Anh	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
54	Trường Đại học Thăng Long	880.	Quản trị kinh doanh	12/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		881.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021

		882.	Khoa học máy tính	12/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		883.	Điều dưỡng	05/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		884.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	05/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		885.	Kế toán	6/2022	9/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (15/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		886.	Tài chính - Ngân hàng	6/2022	9/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (15/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		887.	Quản trị dịch vụ du lịch - lữ hành	6/2022	9/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (15/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		888.	Ngôn ngữ Nhật	10/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		889.	Ngôn ngữ Trung Quốc	10/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		890.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	01/2024	02/2024 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		891.	Quản lý bệnh viện (trình độ thạc sĩ)	01/2024	02/2024 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		892.	Y tế công cộng (trình độ thạc sĩ)	01/2024	02/2024 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		893.	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	6/2024	9/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/9/2024
		894.	Thanh nhạc	6/2024	9/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/9/2024
		895.	Việt Nam học	6/2024	9/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/9/2024
		896.	Marketing	8/2024			Cập nhật 31/8/2024

		897.	Kinh tế quốc tế	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		898.	Truyền thông đa phương tiện	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		899.	Luật kinh tế	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
55	Trường Đại học Phenikaa	900.	Dược học	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		901.	Điều dưỡng	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		902.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		903.	Kế toán	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		904.	Quản trị kinh doanh	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		905.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		906.	Dược lý và Dược lâm sàng (trình độ thạc sĩ)	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		907.	Công nghệ vật liệu	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		908.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		909.	Luật kinh tế	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		910.	Khoa học vật liệu (trình độ thạc sĩ)	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		911.	Kỹ thuật hóa học (trình độ thạc sĩ)	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024

56	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	912.	Công nghệ Thông tin	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		913.	Tâm lý học	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		914.	Công nghệ Sinh học	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		915.	Giáo dục Chính trị	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		916.	Giáo dục Tiểu học	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		917.	Sư phạm Lịch sử	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		918.	Công tác xã hội	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		919.	Giáo dục Mầm non	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		920.	Sư phạm âm nhạc	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		921.	Sư phạm Địa lý	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		922.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	9/2023			
		923.	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		924.	Báo chí	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		925.	Giáo dục học tiểu học (CTĐT thạc sĩ)	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		926.	Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Vật lý (CTĐT thạc sĩ)	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024

		927.	Toán giải tích (CTĐT thạc sĩ)	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		928.	Địa lý	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		929.	Hóa học	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		930.	Sư phạm Sinh học	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		931.	Sư phạm Tin học	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		932.	Việt Nam học	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		933.	Quản lý tài nguyên và môi trường	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		934.	Tâm lý học trình độ thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		935.	Giáo dục công dân	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		936.	Văn hóa học	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
57	Học viện Ngoại giao	937.	Quan hệ Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		938.	Kinh tế Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		939.	Luật Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		940.	Truyền thông Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		941.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021

58	Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	942.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	12/2020	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		943.	Y khoa	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		944.	Điều dưỡng	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (29/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		945.	Kỹ thuật hình ảnh y học	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (29/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		946.	Kỹ thuật phục hồi chức năng	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (29/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
59		947.	Giáo dục Mầm Non	01/2021	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		948.	Kế toán	01/2021	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		949.	Giáo dục Tiểu học	11/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		950.	Quản trị kinh doanh	11/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		951.	Sư phạm Tiếng Anh	3/2019	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		952.	Giáo dục tiểu học	3/2019	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		953.	Sư phạm Toán	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		954.	Sư phạm Ngữ văn	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		955.	Sư phạm Lịch sử	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		956.	Quản trị kinh doanh	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021

60	Trường Đại học Hồng Đức	957.	Sư phạm Địa lý	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		958.	Công nghệ thông tin	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		959.	Luật	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		960.	Kế toán	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		961.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		962.	Giáo dục thể chất	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		963.	Chăn nuôi	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		964.	Giáo dục Mầm non	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		965.	Khoa học máy tính	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		966.	Quản lý giáo dục	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		967.	Sư phạm Sinh học	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		968.	Sư phạm Vật lý	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		969.	Sư phạm Hóa học	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		970.	Tài chính - Ngân hàng	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		971.	Du lịch	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023

		972.	Kỹ thuật xây dựng	01/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		973.	Kỹ thuật điện	01/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 84% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		974.	Ngôn ngữ Anh	01/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		975.	Lý luận và PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt (trình độ thạc sĩ)	01/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 80% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		976.	Toán giải tích (trình độ thạc sĩ)	01/2024	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 80% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
61	Trường Đại học Sao Đỏ	977.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	01/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (10/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		978.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	01/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (10/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		979.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	01/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (10/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		980.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.	12/2021	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (10/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		981.	Công nghệ thông tin	12/2021	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (10/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		982.	Quản trị kinh doanh	12/2021	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (10/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		983.	Ngôn ngữ Trung quốc	01/2024	4/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/4/2024
		984.	Công nghệ dệt, may	01/2024	4/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/4/2024
		985.	Kế toán	01/2024	4/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/4/2024
		986.	Xã hội học	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022

62	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	987.	Ngôn ngữ Trung Quốc	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		988.	Luật Kinh tế	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		989.	Hệ thống thông tin quản lý	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		990.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		991.	Công nghệ sinh học	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		992.	Công tác xã hội	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		993.	Đông Nam Á học	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		994.	Luật	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		995.	Công nghệ sinh học (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		996.	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		997.	Kỹ thuật xây dựng (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		998.	Luật kinh tế (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		999.	Xã hội học (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1000.	Ngôn ngữ Nhật		7/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1001.	Ngôn ngữ Trung Quốc		7/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/7/2024

		1002	Quản lý xây dựng		7/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1003	Quản lý xây dựng (trình độ thạc sĩ)		7/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1004	Công nghệ thông tin		7/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/7/2024
63	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	1005	Ngôn ngữ Anh	02/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 94% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		1006	Sư phạm tiếng Anh	02/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 96% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
64	Học viện Hàng không Việt Nam	1007	Quản trị kinh doanh	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		1008	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		1009	Quản lý hoạt động bay	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		1010	Kỹ thuật hàng không	6/2024	8/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/8/2024
		1011	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	6/2024	8/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/8/2024
65	Trường Đại học Tân Trào	1012	Giáo dục Mầm non	02/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (18/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		1013	Giáo dục Tiểu học	02/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (18/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		1014	Kế toán	02/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (18/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
66	Trường Đại học Công đoàn	1015	Quản trị kinh doanh	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		1016	Quản trị nhân lực	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		1017	Xã hội học	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		1018	Bảo hộ lao động	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		1019	Công tác xã hội	3/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		1020	Tài chính - Ngân hàng	3/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		1021	Kế toán	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		1022	Luật	3/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		1023	Quan hệ lao động	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		1024	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1025	Quản trị nhân lực (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1026	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1027	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1028	Xã hội học (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1029	Quản trị nhân lực (trình độ tiến sĩ)	10/2023	11/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (07/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
67	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	1030	Y học cổ truyền	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		1031	Răng Hàm Mặt	11/2021	5/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (10/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022

68	Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế	1032	Khoa học cây trồng	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1033	Nuôi trồng thủy sản	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1034	Quản lý đất đai	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1035	Phát triển nông thôn	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1036	Thú y	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1037	Công nghiệp thực phẩm	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
69	Trường Đại học Y tế công cộng	1038	Kỹ thuật xét nghiệm y học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (17/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		1039	Y tế công cộng	3/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1040	Công tác xã hội	3/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1041	Dinh dưỡng	3/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1042	Kỹ thuật xét nghiệm Y học (trình độ thạc sĩ)	3/2024	7/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/7/2024
70	Trường Đại học Tiền Giang	1043	Công nghệ thông tin	4/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (28/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		1044	Công nghệ thực phẩm	4/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (28/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		1045	Kế toán	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1046	Quản trị Kinh doanh	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023

		1047	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1048	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1049	Giáo dục Mầm non	01/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 95,34% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1050	Công nghệ Sinh học	6/2023	5/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (12/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1051	Nuôi trồng thủy sản	6/2023	5/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (12/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1052	Du lịch	6/2023	5/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (12/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1053	Tài chính -Ngân hàng	6/2023	5/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (12/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
71	Trường Đại học Luật - Đại học Huế	1054	Luật	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1055	Luật Kinh tế	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
72	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	1056	Quản lý Giáo dục	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 80% (20/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		1057	Giáo dục Tiểu học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (20/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		1058	Ngôn ngữ Trung Quốc	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 80% (20/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		1059	Giáo dục Mầm non	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1060	Giáo dục công dân	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1061	Ngôn ngữ Anh	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023

		1062	Việt Nam học	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1063	Sư phạm Toán	10/2023	12/2023 (VU-CEA)	Đạt 84% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1064	Sư phạm Ngữ văn	10/2023	12/2023 (VU-CEA)	Đạt 84% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1065	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2023	12/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (09/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		1066	Quản trị khách sạn	10/2023	12/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (09/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		1067	Công nghệ thông tin	10/2023	12/2023 (VU-CEA)	Đạt 84% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1068	Chính trị học	10/2023	12/2023 (VU-CEA)	Đạt 84% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1069	Quản trị kinh doanh	10/2023	12/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (09/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		1070	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	10/2023	12/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (09/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
73	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	1071	Quan hệ quốc tế	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		1072	Triết học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		1073	Xã hội học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		1074	Quan hệ công chúng	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		1075	Chủ nghĩa xã hội khoa học	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1076	Kinh tế chính trị	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

		1077	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1078	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1079	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1080	Quảng cáo	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1081	Xuất bản	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1082	Truyền thông quốc tế	5/2024	8/2024 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2024
		1083	Quản lý công	5/2024	8/2024 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2024
		1084	Chính trị học (chuyên ngành Truyền thông chính sách)	5/2024	8/2024 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2024
		1085	Kinh tế (chuyên ngành Quản lý kinh tế)	5/2024	8/2024 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2024
74	Trường Đại học Mở Hà Nội	1086	Công nghệ Sinh học	5/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1087	Luật kinh tế	5/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1088	Quản trị Kinh doanh	5/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1089	Công nghệ thông tin	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1090	Công nghệ thực phẩm	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1091	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn Thông	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1092	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		1093	Kế toán	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1094	Thương mại điện tử	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1095	Tài chính - Ngân hàng	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1096	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1097	Luật	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1098	Luật quốc tế	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1099	Kiến trúc	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1100	Ngôn ngữ Trung quốc	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1101	Ngôn ngữ Anh	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1102	Công nghệ sinh học	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1103	Công nghệ thông tin	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1104	Kế toán	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1105	Kỹ thuật viễn thông	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1106	Luật Kinh tế	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1107	Ngôn ngữ Anh	6/2024			Cập nhật 30/6/2024

		1108	Quản trị kinh doanh	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
75	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	1109	Công nghệ thông tin	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		1110	Quản trị kinh doanh	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		1111	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		1112	Kỹ thuật môi trường	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		1113	Kỹ thuật cơ khí	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1114	Kinh tế vận tải	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1115	Kỹ thuật tàu thủy	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1116	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	10/2023	6/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2024
		1117	Tài chính - Ngân hàng	10/2023	6/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2024
		1118	Công nghệ thông tin	10/2023	6/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2024
		1119	Ngôn ngữ Anh	10/2023	6/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/6/2024
		1120	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
76	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh	1121	Công nghệ thông tin	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1122	Ngôn ngữ Anh	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		1123	Quản trị kinh doanh	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1124	Kế toán	11/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (17/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1125	Kinh doanh quốc tế	11/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (17/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1126	Luật Kinh tế	11/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (17/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1127	Đông phương học	11/2023	01/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (09/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		1128	Công nghệ thông tin	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1129	Quản trị kinh doanh	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1130	Kỹ thuật điện tử viễn thông	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		1131	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		1132	Kỹ thuật xây dựng	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		1133	Kinh doanh quốc tế	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		1134	Luật	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
77	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	1135	Y tế Công cộng (trình độ thạc sĩ)	7/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 80% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		1136	Điều dưỡng	7/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 80% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		1137	Y học dự phòng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/6/2023)	Cập nhật 31/7/2023

		1138	Dinh dưỡng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (26/6/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		1139	Y học cổ truyền	8/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/6/2023)	Cập nhật 31/7/2023
78	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	1140	Thiết kế đồ họa	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1141	Thiết kế công nghiệp	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1142	Thiết kế nội thất	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1143	Kỹ thuật xây dựng	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1144	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1145	Thiết kế thời trang	11/2022	7/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (12/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
79	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	1146	Kế toán	9/2021	6/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1147	Kinh tế đầu tư	9/2021	6/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1148	Tài chính doanh nghiệp	9/2021	6/2022 (CEA-UD)	Đạt 94% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
80	Trường Đại học Tây Nguyên	1149	Công nghệ sinh học	9/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 84% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1150	Giáo dục tiểu học	9/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1151	Quản trị kinh doanh	9/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 84% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1152	Sư phạm tiếng Anh	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023

		1153	Y khoa	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1154	Giáo dục Thể chất	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1155	Sư phạm Ngữ văn	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1156	Sư phạm Vật lý	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1157	Sư phạm Toán học	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1158	Sư phạm Hoá học	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1159	Lâm sinh	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1160	Thú y	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1161	Giáo dục Chính trị	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1162	Điều Dưỡng	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1163	Bảo vệ thực vật	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1164	Công nghệ thông tin	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1165	Giáo dục mầm non	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1166	Khoa học cây trồng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1167	Quản lý đất đai	01/2024			Cập nhật 31/01/2024

		1168	Sư phạm sinh học	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1169	Tài chính ngân hàng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1170	Văn học	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
81	Trường Đại học Đông Á	1171	Quản trị kinh doanh	9/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1172	Ngôn ngữ Anh	9/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1173	Kế toán	9/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1174	Công nghệ thông tin	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1175	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1176	Điều dưỡng	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1177	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1178	Giáo dục mầm non	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1179	Giáo dục tiểu học	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1180	Luật kinh tế	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1181	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
82	Trường Đại học Nội Vụ Hà Nội	1182	Quản lý nhà nước	10/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

		1183	Quản lý văn hóa	10/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1184	Lưu trữ học	10/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
83	Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang	1185	Khoa học cây trồng	10/2021	10/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1186	Công nghệ thực phẩm	10/2021	10/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1187	Kế toán	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		1188	Thú y	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		1189	Quản lý đất đai	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
84	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	1190	Sư phạm Toán học	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1191	Sư phạm Ngữ văn	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1192	Sư phạm Tiếng Anh	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1193	Giáo dục Mầm non	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1194	Giáo dục Tiểu học	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1195	Giáo dục công dân	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1196	Giáo dục thể chất	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1197	Sư phạm Lịch sử	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022

		1198	Sư phạm Hóa học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		1199	Sư phạm Sinh học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		1200	Sư phạm Vật lí	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		1201	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt (CTĐT thạc sĩ)	6/2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (28/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		1202	Lý luận văn học (CTĐT thạc sĩ)	6/2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (28/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		1203	Ngôn ngữ Việt Nam (CTĐT thạc sĩ)	6/2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (28/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		1204	Văn học Việt Nam (CTĐT thạc sĩ)	6/2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (28/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		1205	Sư phạm Tin học	01/2024	02/2024 (VNU-CEA)	Đạt 90% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1206	Giáo dục quốc phòng - an ninh	01/2024	02/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1207	Công nghệ thông tin	01/2024	02/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1208	Ngôn ngữ Anh	01/2024	02/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1209	Ngôn ngữ Trung Quốc	01/2024	02/2024 (VNU-CEA)	Đạt 86% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1210	Việt Nam học	01/2024	02/2024 (VNU-CEA)	Đạt 90% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
85	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	1211	Y khoa	11/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/10/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1212	Dược sĩ	11/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/10/2022)	Cập nhật 30/11/2022

		1213	Y tế công cộng (trình độ thạc sĩ)	11/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (31/10/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1214	Nội khoa (Thạc sĩ)	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 96% (29/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1215	Ngoại khoa (Thạc sĩ)	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 96% (29/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1216	Y học cổ truyền	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 98% (29/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1217	Điều dưỡng	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 98% (29/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1218	Nhi khoa	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 96% (29/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1219	Răng hàm mặt	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 98% (29/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1220	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 96% (29/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
86	Trường Đại học Đà Lạt	1221	Luật	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1222	Công tác xã hội	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1223	Ngôn ngữ Anh	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1224	Đông phương học	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1225	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
87	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	1226	Dược học	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		1227	Điều dưỡng	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026

		1228	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		1229	Quản trị kinh doanh	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		1230	Tài chính - Ngân hàng	3/2022	6/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (21/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1231	Truyền thông đa phương tiện	3/2022	6/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (21/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1232	Ngôn ngữ Anh	3/2022	6/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (21/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1233	Công nghệ thông tin	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		1234	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		1235	Luật kinh tế	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		1236	Quan hệ quốc tế	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		1237	Răng hàm mặt	01/2024	3/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (29/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1238	Luật	01/2024	3/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (29/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1239	Kiến trúc	01/2024	3/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (29/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
88	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	1240	Công tác xã hội	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1241	Khoa học quản lý	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1242	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022

		1243	Luật	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
89	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	1244	Kế toán	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		1245	Ngôn ngữ Anh	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		1246	Quản trị kinh doanh	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		1247	Tài chính - Ngân hàng	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
90	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh	1248	Công nghệ thông tin	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		1249	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		1250	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		1251	Quản lý tài nguyên và môi trường	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		1252	Quản trị kinh doanh	8/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1253	Hệ thống thông tin	8/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1254	Quản lý đất đai	8/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1255	Thủy văn học	10/2023	12/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1256	Kỹ thuật cấp thoát nước	10/2023	12/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1257	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	10/2023	12/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024

		1258	Quản lý tổng hợp tài nguyên	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
91	Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương	1259	Sư phạm Âm nhạc	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1260	Sư phạm Mỹ thuật	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1261	Thiết kế đồ họa	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1262	Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc (trình độ thạc sĩ)	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
92	Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn	1263	Quản trị kinh doanh	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		1264	Kỹ thuật xây dựng	8/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (07/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1265	Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	02/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 88% (20/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1266	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	02/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 88% (20/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1267	Công nghệ thông tin	3/2023	10/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 90% (11/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1268	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	01/2024	6/2024 VNU-HCM CEA	Đạt 94% (14/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1269	Thiết kế Công nghiệp	01/2024	6/2024 VNU-HCM CEA	Đạt 96% (14/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
93	Học viện Ngân hàng	1270	Ngân hàng	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1271	Tài chính	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1272	Kế toán	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

		1273	Quản trị doanh nghiệp	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1274	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Ngân hàng - CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1275	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính -CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1276	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1277	Quản trị kinh doanh (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1278	Luật kinh tế	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		1279	Hệ thống thông tin quản lý trong lĩnh vực tài chính - _Ngân hàng	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		1280	Kinh tế đầu tư	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		1281	Kinh doanh quốc tế	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		1282	Ngôn ngữ Anh Tài chính - Ngân hàng	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
94	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	1283	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1284	Kỹ thuật Điện (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1285	Hóa phân tích (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1286	Kỹ thuật Điện tử (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1287	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

		1288	Kỹ thuật Xây dựng	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1289	Quản lý Tài nguyên Môi trường	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1290	Luật kinh tế	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1291	Tài chính - Ngân hàng	3/2024	5/2024 (VNU-CEA)	Đạt 96% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1292	Kiểm toán	3/2024	5/2024 (VNU-CEA)	Đạt 96% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1293	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	3/2024	5/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
95	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	1294	Luật	01/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
96	Trường Đại học Hạ Long	1295	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (03/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1296	Khoa học máy tính	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (03/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1297	Ngôn ngữ Anh	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (03/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1298	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1299	Quản lý tài nguyên và môi trường	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1300	Quản trị khách sạn	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 94% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1301	Quản lý văn hóa	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1302	Ngôn ngữ Nhật	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023

		1303	Ngôn ngữ Trung Quốc	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1304	Nuôi trồng thủy sản	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
97	Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng	1305	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	01/2022	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (18/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1306	Điều dưỡng đa khoa	01/2022			Cập nhật 31/01/2022
		1307	Dược học	01/2022	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (18/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1308	Kỹ thuật Hình ảnh y học	07/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1309	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	07/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1310	Y khoa	07/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
98	Trường Đại học Lao động - Xã hội	1311	Bảo hiểm	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1312	Quản trị nhân lực	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1313	Kế toán	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1314	Công tác xã hội	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1315	Quản trị kinh doanh	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1316	Tâm lý học	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1317	Kinh tế	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		1318	Luật Kinh tế	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1319	Quản trị nhân lực (CTĐT thạc sĩ)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1320	Kế toán (CTĐT thạc sĩ)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1321	Công tác xã hội (CTĐT thạc sĩ)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1322	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
99	Học viện Tài chính	1323	Kế toán	01/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1324	Quản trị kinh doanh	02/2024	5/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (18/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1325	Hệ thống thông tin quản lý	02/2024	5/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (18/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
100	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	1326	Đô thị học	01/2022	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 92% (04/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1327	Ngôn ngữ Nga	01/2022	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 92% (04/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1328	Lưu trữ học	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 96% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1329	Hàn Quốc	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1330	Nhân học (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1331	Văn hoá học (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 96% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1332	Ngôn ngữ học	3/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023

		1333	Công tác xã hội (trình độ thạc sĩ)	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		1334	Khoa học thư viện (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1335	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1336	Báo chí	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1337	Quan hệ quốc tế	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1338	Triết học	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
101	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	1339	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa	02/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1340	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	02/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1341	Hóa học	02/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1342	Công nghệ kỹ thuật hoá học	12/2022	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2023
		1343	Kế toán	12/2022	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2023
		1344	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	12/2022	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2023
102	Trường Đại học Cửu Long	1345	Công nghiệp thực phẩm	3/2022	4/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (15/7/2022)	Cập nhật 30/7/2022
		1346	Luật kinh tế	3/2022	4/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (15/7/2022)	Cập nhật 30/7/2022
		1347	Quản trị kinh doanh	3/2022	4/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (15/7/2022)	Cập nhật 30/7/2022

		1348	Kỹ thuật xét nghiệm y học	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1349	Điều dưỡng	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1350	Tài chính ngân hàng	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1351	Công nghệ thông tin	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1352	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1353	Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1354	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1355	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1356	Kế toán	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1357	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1358	Công nghệ kỹ thuật Cơ Khí	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		1359	Luật kinh tế (trình độ thạc sĩ)	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		1360	Bảo vệ thực vật	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		1361	Dược học	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
103	Trường Đại học Sân khấu	1362	Diễn viên Kịch - Điện ảnh	3/2022			Cập nhật 31/3/2022

	- Điện ảnh Hà Nội	1363	Đạo diễn điện ảnh	3/2022			Cập nhật 31/3/2022
		1364	Thiết kế mỹ thuật Sân khấu - Điện ảnh	3/2022			Cập nhật 31/3/2022
		1365	Huấn luyện múa	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1366	Nhiếp ảnh báo chí	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1367	Diễn viên Chèo	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1368	Đạo diễn truyền hình	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1369	Âm thanh điện ảnh - truyền hình	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1370	Biên đạo múa	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1371	Diễn viên Cải lương	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1372	Biên kịch điện ảnh	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1373	Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1374	Quay phim truyền hình	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1375	Đạo diễn sân khấu	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1376	Nhiếp ảnh nghệ thuật	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		1377	Biên đạo múa đại chúng,	9/2024			Cập nhật 30/9/2024

		1378	Nhạc công kịch hát dân tộc	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		1379	Đạo diễn sự kiện lễ hội	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		1380	Biên tập truyền hình	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		1381	Công nghệ dựng phi	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		1382	Quay phim điện ảnh	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
104	Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	1383	Công nghệ thực phẩm	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 92% (24/4/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		1384	Hệ thống thông tin	4/2022	5/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1385	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4/2022	5/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1386	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	4/2022	5/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1387	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2022	5/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1388	Quản lý công nghiệp	4/2022	5/2023 (CEA-UD)	Đạt 94% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1389	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	8/2024	9/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/9/2024
		1390	Công nghệ Sinh học	8/2024	9/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/9/2024
		1391	Khoa học máy tính	8/2024	9/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/9/2024
		1392	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	8/2024	9/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/9/2024

		1393	Kỹ thuật phần mềm	8/2024	9/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/9/2024
		1394	Quản lý xây dựng	8/2024	9/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/9/2024
105	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	1395	Quản trị kinh doanh	4/2022	7/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1396	Kế toán	4/2022	7/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (28/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1397	Tài chính - Ngân hàng	01/2023	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1398	Công nghệ thông tin	01/2023	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1399	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		1400	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		1401	Marketing	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1402	Quản trị văn phòng	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1403	Công nghệ kỹ thuật điện	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1404	Điện tử và Dược học	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
106	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	1405	Tài chính – Ngân hàng	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1406	Kế toán	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
107	Trường Đại học Điện lực	1407	Điện tử viễn thông	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		1408	Quản lý công nghiệp	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1409	Quản trị kinh doanh	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1410	Kế toán	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1411	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1412	Tài chính - Ngân hàng	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1413	Quản lý năng lượng	01/2023	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1414	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	01/2023	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 86% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1415	Cơ khí	10/2023			
		1416	Cơ điện tử	10/2023			
		1417	Kiểm toán	11/2023			
		1418	Thương mại điện tử	11/2023			
		1419	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	11/2023			
		1420	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	11/2023	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 86% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1421	Công nghệ thông tin	11/2023	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1422	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	11/2023	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024

		1423	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	11/2023	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
108	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	1424	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1425	Công nghệ thông tin	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1426	Kế toán	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1427	Quản trị kinh doanh	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1428	Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1429	Marketing	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1430	An toàn thông tin	10/2023	3/2024 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		1431	Công nghệ đa phương tiện	10/2023	3/2024 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		1432	Truyền thông đa phương tiện	10/2023	3/2024 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
		1433	Thương mại điện tử	10/2023	3/2024 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (27/5/2024)	Cập nhật 31/5/2024
109	Trường Đại học Hải Phòng	1434	Công nghệ thông tin	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1435	Kế toán doanh nghiệp	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1436	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1437	Giáo dục Mầm non	8/2024			Cập nhật 31/8/2024

		1438	Giáo dục Tiểu học	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1439	Sư phạm Ngữ văn	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1440	Sư phạm Toán học	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1441	Sư phạm Tiếng Anh	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1442	Sư phạm Tiếng Anh chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh – Tiếng Nhật	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
110	Trường Đại học Quảng Bình	1443	Giáo dục Tiểu học	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1444	Công nghệ thông tin	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1445	Ngôn ngữ Anh	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1446	Quản trị kinh doanh	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1447	Sư phạm Ngữ văn	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1448	Sư phạm Toán học	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1449	Giáo dục Mầm non	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1450	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1451	Kế toán	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1452	Giáo dục Thể chất	8/2024			Cập nhật 31/8/2024

111	Trường Đại học YERSIN Đà Lạt	1453	Quản trị kinh doanh	6/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (11/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1454	Điều dưỡng	6/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (11/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1455	Công nghệ thông tin	6/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (11/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1456	Công nghệ sinh học	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1457	Quan hệ công chúng.	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1458	Đông phương học	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1459	Kiến trúc	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1460	Ngôn ngữ Anh.	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1461	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1462	Dược học.	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1463	Công nghệ thực phẩm	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1464	Luật kinh tế	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1465	Thiết kế nội thất	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1466	Quản lý kinh tế (CTĐT trình độ thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
112		1467	Sư phạm Mỹ thuật	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

	Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	1468	Giáo dục Mầm non	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1469	Sư phạm Âm nhạc	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1470	Quản lý nhà nước	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1471	Quản trị khách sạn	01/2023	8/2023 (VU-CEA)	Đạt 82% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1472	Luật	01/2023	8/2023 (VU-CEA)	Đạt 82% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1473	Ngôn ngữ Anh	01/2023	8/2023 (VU-CEA)	Đạt 82% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1474	Thanh nhạc	01/2023	8/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1475	Du lịch	3/2024	5/2024 (VU-CEA)	Đạt 88% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1476	Quản trị dịch vụ, Du lịch và Lữ hành	3/2024	5/2024 (VU-CEA)	Đạt 88% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1477	Quản lý Thể dục thể thao	3/2024	5/2024 (VU-CEA)	Đạt 88% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1478	Thông tin – Thư viện	3/2024	5/2024 (VU-CEA)	Đạt 88% (12/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
113	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	1479	Công nghệ kỹ thuật giao thông	6/2022	7/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (02/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1480	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6/2022	7/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (02/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1481	Hệ thống thông tin	6/2022			Cập nhật 30/6/2022
		1482	Quản trị kinh doanh	6/2022	7/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (02/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024

		1483	Kế toán	11/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (29/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1484	Kinh tế xây dựng	11/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (29/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1485	Tài chính - Ngân hàng	11/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (29/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1486	Thương mại điện tử	11/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (29/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1487	Khai thác vận tải	11/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (29/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1488	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	11/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (29/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1489	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	11/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (29/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1490	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	11/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (29/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1491	Công nghệ kỹ thuật môi trường	11/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (29/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1492	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	11/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (29/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1493	Công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông	11/2023	4/2024 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (29/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1494	Công nghệ thông tin	02/2023	7/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (02/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
114	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	1495	Kiến trúc	6/2022	10/2022 (CEA-UD)	Đạt 86% (03/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1496	Kỹ thuật xây dựng	6/2022	10/2022 (CEA-UD)	Đạt 84% (03/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1497	Quản trị kinh doanh	6/2022	10/2022 (CEA-UD)	Đạt 84% (03/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

		1498	Thiết kế Nội thất	12/2022	7/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1499	Kế toán	12/2022	7/2023 (CEA-UD)	Đạt 90% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1500	Tài chính ngân hàng	12/2022	7/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1501	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12/2022	7/2023 (CEA-UD)	Đạt 90% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1502	Thiết kế đồ họa	11/2023	02/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 29/02/2024
		1503	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1504	Quản lý xây dựng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1505	Ngôn ngữ Anh	11/2023	02/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 29/02/2024
		1506	Ngôn ngữ Trung Quốc	11/2023	02/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 29/02/2024
		1507	Công nghệ thông tin	11/2023	02/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 29/02/2024
		1508	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử	11/2023	02/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 29/02/2024
115	Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột	1509	Y khoa	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1510	Dược học	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
116	Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	1511	Kỹ thuật Cơ Điện tử	7/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1512	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá	7/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023

		1513	Kỹ thuật phần mềm	7/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1514	Quản trị kinh doanh	10/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1515	Điều dưỡng	10/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1516	Kỹ thuật điện	10/2023	11/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (08/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1517	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	10/2023	11/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (08/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
117	Trường Đại học Công nghệ Miền Đông	1518	Dược học	7/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1519	Luật kinh tế	7/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1520	Ngôn ngữ Anh	7/2024	8/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2024
		1521	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	7/2024	8/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2024
118	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	1522	Công tác xã hội	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1523	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1524	Công nghệ sinh học	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1525	Công nghệ thực phẩm	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1526	Thú Y	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1527	Kỹ thuật điện (trình độ thạc sĩ)	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		1528	Du lịch	5/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1529	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1530	Công nghệ kỹ thuật Điện điện tử	5/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1531	Kinh tế	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1532	Luật	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
119	Trường Đại học Thành Đô	1533	Công nghệ thông tin	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (15/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1534	Ngôn ngữ Anh	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (15/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1535	Dược học	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (15/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1536	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1537	Việt Nam học	6/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1538	Quản trị kinh doanh	6/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1539	Quản lý kinh tế	6/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
120	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên- Đại học Quốc gia Hà Nội	1540	Hóa học	8/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 98% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1541	Sinh học	8/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1542	Khoa học Môi trường	8/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023

		1543	Toán học	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1544	Khoa học dữ liệu	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1545	Kỹ thuật điện tử và tin học	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1546	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1547	Khoa học và Công nghệ thực phẩm	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
121	Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh	1548	Quản lý văn hóa	8/2022	9/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1549	Thông tin - Thư viện	8/2022	9/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1550	Văn hóa học	8/2022	9/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
122	Trường Đại học Gia Định	1551	Quản trị kinh doanh	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 80% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1552	Tài chính – Ngân hàng	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 82% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1553	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 82% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1554	Kế toán	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 84% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1555	Luật	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 84% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1556	Công nghệ thông tin	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1557	Kỹ thuật phần mềm	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023

		1558	Marketing	5/2024	6/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2024
		1559	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	5/2024	6/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/6/2024
123	Trường Đại học Kiên Giang	1560	Kỹ thuật xây dựng	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1561	Công nghệ thực phẩm	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1562	Công nghệ thông tin	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1563	Kế toán	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1564	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1565	Sư phạm Toán học	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1566	Luật	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1567	Nuôi trồng thủy sản	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1568	Quản trị kinh doanh	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1569	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
124	Trường Đại học Thái Bình	1570	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1571	Kế toán	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1572	Kinh tế	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023

		1573	Quản trị kinh doanh	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
125	Trường Đại học Bình Dương	1574	Quản trị kinh doanh	9/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1575	Tài chính - Ngân hàng	9/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1576	Ngôn ngữ Anh	9/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
126	Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	1577	Kỹ thuật cơ khí	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1578	Kỹ thuật Điện	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1579	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1580	Công nghệ kỹ thuật ô tô	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1581	Công nghệ chế tạo máy	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1582	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1583	Kinh tế công nghiệp	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1584	Quản lý công nghiệp	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1585	Kỹ thuật cơ khí động lực	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1586	Kỹ thuật máy tính	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1587	Kỹ thuật xây dựng	5/2024	7/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/7/2024

127	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	1588	Việt Nam học	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1589	Sư phạm Sinh học	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1590	Sư phạm Lịch sử	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1591	Sư phạm Địa lý	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1592	Ngôn ngữ Nga		8/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2024
		1593	Giáo dục Chính trị		8/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2024
		1594	Giáo dục Mầm non		8/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2024
		1595	Quản lý giáo dục		8/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2024
		1596	Giáo dục Quốc phòng – An ninh		8/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2024
		1597	Giáo dục Thể chất		8/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2024
		1598	Thạc sĩ ngành Địa lý học		8/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2024
		1599	Thạc sĩ ngành Lịch sử Việt Nam		8/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/8/2024
128	Trường Đại học Đại Nam	1600	Dược học	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1601	Quản trị kinh doanh	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1602	Ngôn ngữ Anh	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		1603	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1604	Công nghệ thông tin	01/2024	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 84% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1605	Ngôn ngữ Trung Quốc	01/2024	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 84% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1606	Quan hệ công chúng	01/2024	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 84% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1607	Tài chính – Ngân hàng	01/2024	01/2024 (VNU-CEA)	Đạt 84% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
129	Trường Du lịch - Đại học Huế	1608	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2022	3/2023 (VNU-CEA)	86% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
130	Trường Đại học Khoa học-Đại học Huế	1609	Công nghệ thông tin	11/2022	01/2023 CEA-THANGLONG	Đạt 84% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1610	Báo chí	11/2022	01/2023 CEA-THANGLONG	Đạt 84% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1611	Kiến trúc	11/2022	01/2023 CEA-THANGLONG	Đạt 86% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1612	Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông		7/2024 (CEA-THANGLONG		Cập nhật 31/7/2024
		1613	Công tác xã hội		7/2024 (CEA-THANGLONG		Cập nhật 31/7/2024
		1614	Đông phương học		7/2024 (CEA-THANGLONG		Cập nhật 31/7/2024
		1615	Quản lý nhà nước		7/2024 (CEA-THANGLONG		Cập nhật 31/7/2024
131	Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Đà Nẵng	1616	Ngôn ngữ Hàn quốc	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1617	Ngôn ngữ Nhật bản	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		1618	Ngôn ngữ Trung Quốc	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1619	Ngôn ngữ Pháp	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1620	Ngôn ngữ Nga	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1621	Sur phạm tiếng Pháp	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1622	Sur phạm tiếng Trung Quốc	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1623	Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1624	Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh thương mại chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1625	Ngôn ngữ Trung Quốc (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1626	Ngôn ngữ Nhật (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1627	Ngôn ngữ Hàn Quốc (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1628	Quốc tế học (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
132	Trường Đại học Công nghệ – Đại học Quốc gia Hà Nội	1629	Khoa học máy tính (CTĐT chất lượng cao)	11/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1630	Hệ thống thông tin	11/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1631	Công nghệ kĩ thuật Điện tử Viễn thông (CTĐT chất lượng cao)	11/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1632	Kĩ thuật Máy tính	11/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023

		1633	Công nghệ Thông tin	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1634	Cơ kỹ thuật		10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1635	Kỹ thuật Robot	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1636	Vật lý kỹ thuật	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1637	Kỹ thuật Năng lượng	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1638	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1639	Công nghệ Hàng không Vũ trụ	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
133	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	1640	Ngôn ngữ Nhật	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1641	Ngôn ngữ Hàn Quốc	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1642	Ngôn ngữ Pháp	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1643	Ngôn ngữ Trung Quốc	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1644	Sư phạm tiếng Trung	8/2023	11/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1645	Sư phạm tiếng Anh	8/2023	11/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1646	Sư phạm tiếng Hàn	8/2023	11/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1647	Sư phạm tiếng Nhật	8/2023	11/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024

		1648	Sư phạm tiếng Đức	8/2023	11/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1649	Lý luận (trình độ thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1650	Phương pháp dạy bộ môn Tiếng Anh (trình độ thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
134	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	1651	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1652	Công nghệ thông tin	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1653	Kế toán	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1654	Quản trị kinh doanh	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1655	Đông Phương học	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1656	Ngôn ngữ Anh	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1657	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1658	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1659	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1660	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1661	Quản trị khách sạn	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1662	Luật	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024

		1663	Đồng phương học (trình độ thạc sĩ)	9/2023	4/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1664	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	9/2023	4/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1665	Công nghệ thông tin (CTĐT thạc sĩ)	9/2023	4/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1666	Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh (CTĐT thạc sĩ)	9/2023	4/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
135	Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội	1667	Quản lý công nghiệp	12/2022	6/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1668	Công nghệ may	12/2022	6/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1669	Marketing	4/2024			Cập nhật 30/4/2024
		1670	Thiết kế thời trang	4/2024			Cập nhật 30/4/2024
		1671	Công nghệ Sợi Dệt	5/2024			Cập nhật 31/5/2024
		1672	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	5/2024			Cập nhật 31/5/2024
		1673	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	5/2024			Cập nhật 31/5/2024
136	Trường Đại học Quảng Nam	1674	Giáo dục Tiểu học	12/2022	3/2024 (CEA-UD)	Đạt 90% (23/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1675	Công nghệ thông tin	12/2022	3/2024 (CEA-UD)	Đạt 90% (23/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1676	Ngôn ngữ Anh	12/2022	3/2024 (CEA-UD)	Đạt 92% (23/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1677	Việt Nam học	10/2023	3/2024 (CEA-UD)	Đạt 90% (23/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024

		1678	Giáo dục Mầm non	10/2023	3/2024 (CEA-UD)	Đạt 90% (23/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1679	Sư phạm Toán	10/2023	3/2024 (CEA-UD)	Đạt 90% (23/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1680	Sư phạm Ngữ văn	5/2024	8/2024 (CEA-UD)		Cập nhật 31/8/2024
		1681	Sư phạm Vật lý	5/2024	8/2024 (CEA-UD)		Cập nhật 31/8/2024
		1682	Sư phạm Sinh học	5/2024	8/2024 (CEA-UD)		Cập nhật 31/8/2024
		1683	Lịch sử	5/2024	8/2024 (CEA-UD)		Cập nhật 31/8/2024
		1684	Bảo vệ thực vật	5/2024	8/2024 (CEA-UD)		Cập nhật 31/8/2024
137	Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt Anh – Đại học Đà Nẵng	1685	Quản trị và Kinh doanh quốc tế	12/2022	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1686	Khoa học y sinh	12/2022	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1687	Khoa học và kỹ thuật Máy tính	12/2022	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
138	Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung	1688	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1689	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1690	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1691	Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1692	Công nghệ thông tin	12/2022			Cập nhật 31/12/2022

		1693	Tài chính ngân hàng	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1694	Quản trị kinh doanh	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1695	Kinh tế	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
139	Trường Đại học Khánh Hòa	1696	Sư phạm Toán học	12/2022	3/2023 (CEA-UD)	Đạt 84% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1697	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12/2022	3/2023 (CEA-UD)	Đạt 86% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1698	Ngôn ngữ Anh	4/2024			Cập nhật 30/4/2024
		1699	Quản trị kinh doanh	4/2024			Cập nhật 30/4/2024
		1700	Sư phạm Ngữ văn	4/2024			Cập nhật 30/4/2024
		1701	Sư phạm Vật lý	4/2024			Cập nhật 30/4/2024
140	Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh	1702	Quản trị kinh doanh	01/2023	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (23/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1703	Tài chính - Ngân hàng	01/2023	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (23/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1704	Công nghệ thông tin	01/2023	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (23/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1705	Quản lý bệnh viện	8/2023	12/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (07/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1706	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8/2023	12/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (07/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1707	Kế toán	8/2023	12/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (07/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024

		1708	Ngôn ngữ Anh	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		1709	Ngôn ngữ Nhật	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		1710	Ngôn ngữ Trung Quốc	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		1711	Luật	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1712	Marketing	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1713	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
141	Trường Đại học Luật Hà Nội	1714	Luật	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1715	Luật (CTĐT chất lượng cao)	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1716	Luật Kinh tế	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1717	Luật Thương mại quốc tế	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1718	Luật dân sự và tố tụng dân sự (trình độ thạc sĩ)	5/2024	8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
		1719	Luật hình sự và tố tụng hình sự (trình độ thạc sĩ)	5/2024	8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
		1720	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm (trình độ thạc sĩ)	5/2024	8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
		1721	Luật hiến pháp và Luật hành chính (trình độ thạc sĩ)	5/2024	8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
		1722	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật (trình độ thạc sĩ)	5/2024	8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024

		1723	Luật kinh tế (trình độ thạc sĩ)	5/2024	8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
		1724	Luật quốc tế (trình độ thạc sĩ)	5/2024	8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
142	Trường Đại học Thái Bình Dương	1725	Du lịch	01/2023	4/2023 VU-CEA	Đạt 82% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1726	Luật	01/2023	4/2023 VU-CEA	Đạt 82% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1727	Quản trị kinh doanh	01/2023	4/2023 VU-CEA	Đạt 84% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1728	Công nghệ thông tin	6/2024	9/2024 VU-CEA		Cập nhật 30/9/2024
		1729	Ngôn ngữ Anh	6/2024	9/2024 VU-CEA		Cập nhật 30/9/2024
143	Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam	1730	Dược sĩ	02/2023	9/2023 VU-CEA	Đạt 92% (26/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
144	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	1731	Kiến trúc	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (04/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1732	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (04/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1733	Quy hoạch vùng và đô thị	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (04/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1734	Kiến trúc (chương trình tiên tiến)	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (04/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1735	Thiết kế thời trang	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1736	Công nghệ thông tin	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1737	Thiết kế đồ họa	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024

		1738	Kinh tế xây dựng	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1739	Điêu khắc	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1740	Thiết kế nội thất	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (04/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1741	Kiến trúc cảnh quan	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1742	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1743	Kỹ thuật cấp thoát nước	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1744	Quản lý xây dựng	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
145	Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị	1745	Luật kinh tế	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
		1746	Quản lý kinh tế	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
		1747	Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1748	Công nghệ ô tô	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1749	Công nghệ thông tin	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1750	Ngôn ngữ Anh	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
146	Trường Đại học Trà Vinh	1751	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	02/2023	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (17/8//2023)	Cập nhật 31/8/2023
147		1752	Hệ thống thông tin quản lý	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	1753	Ngôn ngữ Anh	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1754	Luật kinh tế	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1755	Tài chính - Ngân hàng (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1756	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1757	Quản trị kinh doanh (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	11/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1758	Luật kinh tế (CTĐT thạc sĩ)	12/2023	11/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		1759	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	12/2023	11/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
148	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An	1760	Kế toán	02/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 84% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1761	Quản trị kinh doanh	02/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1762	Thú y	02/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1763	Kinh tế	3/2024	5/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1764	Tài chính ngân hàng	3/2024	5/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
149	Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng	1765	Quản lý Thể dục Thể thao	4/2023	01/2024 (CEA-UD)	Đạt 82% (18/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1766	Huấn luyện Thể thao	4/2023	01/2024 (CEA-UD)	Đạt 84% (18/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1767	Giáo dục Thể chất	4/2023	01/2024 (CEA-UD)	Đạt 86% (18/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024

150	Học viện Phụ nữ Việt Nam	1768	Luật	4/2023	7/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (20/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1769	Quản trị kinh doanh	4/2023	7/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (20/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1770	Công tác xã hội	4/2023	7/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (20/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1771	Giới và Phát triển	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1772	Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1773	Truyền thông Đa phương tiện	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
151	Trường Đại học Đồng Nai	1774	Sư phạm Toán	5/2023	6/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (15/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1775	Sư phạm Ngữ văn	5/2023	6/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (15/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1776	Ngôn ngữ Anh	5/2023	6/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (15/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1777	Kế toán	5/2023	6/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (15/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1778	Quản trị kinh doanh	5/2023	6/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (15/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
152	Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	1779	Kế toán	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1780	Thương mại điện tử	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1781	Toán kinh tế	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1782	Tài chính - Ngân hàng	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		1783	Kinh doanh quốc tế	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1784	Quản trị kinh doanh	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1785	Marketing	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
153	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng	1786	Quản trị kinh doanh	7/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1787	Công nghệ thông tin	7/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1788	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
154	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	1789	Luật kinh tế	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1790	Quản lý nhà nước	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
155	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng	1791	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	9/2023	12/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1792	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	9/2023	12/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (08/4/2024)	Cập nhật 30/4/2024
		1793	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	8/2024	9/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		1794	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	8/2024	9/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		1795	Công nghệ kỹ thuật ô tô	8/2024	9/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		1796	Công nghệ thông tin	8/2024	9/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		1797	Kỹ thuật thực phẩm	8/2024	9/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024

156	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	1798	Nuôi trồng thủy sản	10/2023	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1799	Công nghệ thông tin	10/2023	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1800	Xã hội học	10/2023	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1801	Kinh tế đầu tư	10/2023	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1802	Ngôn ngữ Anh	10/2023	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1803	Quản lý đất đai	10/2023	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1804	Nông nghiệp công nghệ cao	10/2023	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1805	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	10/2023	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1806	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10/2023	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1807	Công nghệ và kinh doanh thực phẩm	10/2023	4/2024 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
157	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	1808	Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Ngân hàng	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (07/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1809	Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Tài chính	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (07/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1810	Kinh tế	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (07/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1811	Dược học	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (07/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1812	Công nghệ thông tin	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (07/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024

		1813	Công nghệ kỹ thuật ô tô	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (07/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1814	Kế toán	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (07/3/2024)	Cập nhật 31/3/2024
		1815	Ngôn ngữ Anh	01/2024	6/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/6/2024
		1816	Quản trị kinh doanh	01/2024	6/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/6/2024
		1817	Luật kinh tế	01/2024	6/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/6/2024
		1818	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2024	6/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/6/2024
		1819	Kinh doanh quốc tế	01/2024	6/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/6/2024
158	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	1820	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1821	Công nghệ Chế tạo máy	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1822	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1823	Kỹ thuật Công nghiệp	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1824	Kỹ nghệ Gỗ và Nội thất	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1825	Robot và Trí tuệ nhân tạo	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1826	Công nghệ kỹ thuật ô tô	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1827	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024

		1828	Công nghệ Vật liệu	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1829	Kiến trúc	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1830	Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1831	Quản lý xây dựng	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1832	Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1833	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1834	Công nghệ Thực phẩm	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1835	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1836	Năng lượng tái tạo	11/2023	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (19/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1837	Kỹ thuật Nhiệt (trình độ thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1838	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (trình độ thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1839	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1840	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1841	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1842	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (trình độ thạc sĩ)	8/2024			Cập nhật 31/8/2024

		1843	Ngôn ngữ Anh	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1844	Công nghệ kỹ thuật máy tính	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
	Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh	1845	Công tác xã hội	11/2023	7/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1846	Chính trị học	11/2023	7/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1847	Luật	11/2023	7/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1848	Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước	11/2023	7/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/7/2024
		1849	Quản lý nhà nước	11/2023	7/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/7/2024
160	Trường Đại học Tân Tạo	1850	Y khoa	01/2024	5/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
161	Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	1851	Tài chính - Ngân hàng	01/2024	4/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1852	Quản trị kinh doanh	01/2024	4/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1853	Kế toán	01/2024	4/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1854	Công nghệ thông tin	01/2024	4/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1855	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	01/2024	4/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (25/7/2024)	Cập nhật 31/7/2024
		1856	Kiểm toán	3/2024	6/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (15/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1857	Kinh doanh thương mại	3/2024	6/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (15/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024

		1858	Luật kinh tế	3/2024	6/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (15/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1859	Ngôn ngữ Anh	3/2024	6/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (15/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
		1860	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	3/2024	6/2024 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (15/9/2024)	Cập nhật 30/9/2024
162	Trường Đại học Thành Đông	1861	Quản lý đất đai	02/2024	3/2024 (VU-CEA)	Đạt 86% (19/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1862	Luật kinh tế	02/2024	3/2024 (VU-CEA)	Đạt 82% (19/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
163	Trường Đại học Thể dục Thể thao TP. Hồ Chí Minh	1863	Huấn luyện thể thao	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		1864	Quản lý thể dục thể thao	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
164	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	1865	Y khoa	02/2024	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (02/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1866	Dược học	02/2024	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (02/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1867	Y tế công cộng	02/2024	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (02/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1868	Dinh dưỡng	02/2024	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (02/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1869	Răng hàm mặt	02/2024	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (02/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1870	Điều dưỡng	02/2024	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (02/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1871	Kỹ thuật xét nghiệm y học	02/2024	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (02/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1872	Kỹ thuật hình ảnh y học	02/2024	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (02/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024

		1873	Khúc xạ nhân khoa	02/2024	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (02/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
		1874	Y Việt-Đức	02/2024	4/2024 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (02/8/2024)	Cập nhật 31/8/2024
165	Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng	1875	Kinh doanh thương mại	4/2024	4/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/4/2024
		1876	Kiểm toán	4/2024	4/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/4/2024
		1877	Luật kinh tế	4/2024	4/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/4/2024
		1878	Ngôn ngữ Anh	4/2024	4/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/4/2024
		1879	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	4/2024	4/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 30/4/2024
166	Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh	1880	Kế toán	4/2024	8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
		1881	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2024	8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
		1882	Công nghệ thông tin	4/2024	8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
		1883	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	4/2024	8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
		1884	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử	4/2024	8/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 31/8/2024
167	Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên	1885	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	3/2024	4/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/4/2024
		1886	Ngôn ngữ Trung Quốc	3/2024	4/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/4/2024
		1887	Ngôn ngữ Anh	3/2024	4/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/4/2024

168	Trường Đại học Hải Dương	1888	Kế toán,	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1889	Quản trị Kinh Doanh	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1890	Kỹ thuật Điện	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1891	Ngôn Ngữ Anh	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
169	Trường Đại học Công nghệ Đông Á	1892	Quản trị kinh doanh	6/2024	9/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		1893	Công nghệ thông tin	6/2024	9/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		1894	Công nghệ Kỹ thuật nhiệt	6/2024	9/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		1895	Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử	6/2024	9/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
		1896	Kế toán	6/2024	9/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/9/2024
170	Trường Đại học Duy Tân	1897	Y khoa	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1898	Dược học	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1899	Điều dưỡng	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1900	Ngôn ngữ Anh	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1901	Ngôn ngữ Trung Quốc	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1902	Truyền thông đa phương tiện	6/2024			Cập nhật 30/6/2024

		1903	Kế toán doanh nghiệp	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
171	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh	1904	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1905	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1906	Công nghệ kỹ thuật chế tạo máy	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
		1907	Công nghệ thông tin	6/2024			Cập nhật 30/6/2024
172	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	1908	Quản lý văn hóa	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1909	Du lịch	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1910	Báo chí	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1911	Văn hóa học	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1912	Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1913	Luật	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
173	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên	1914	Kỹ thuật điện, điện tử	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1915	Truyền thông đa phương tiện	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1916	Thương mại điện tử	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1917	Công nghệ truyền thông	8/2024			Cập nhật 31/8/2024

		1918	Khoa học máy tính	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
		1919	Thiết kế đồ họa	8/2024			Cập nhật 31/8/2024
174	Trường Đại học Võ Trường Toản	1920	Quản trị kinh doanh	5/2024	9/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/9/2024
		1921	Tài chính – Ngân hàng	5/2024	9/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/9/2024
175	Trường Y Dược – Đại học Đà Nẵng	1922	Y khoa	9/2024			Cập nhật 30/9/2024
		1923	Điều dưỡng	9/2024			Cập nhật 30/9/2024

2. Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ cao đẳng sư phạm (CĐSP)

STT	Tên cơ sở giáo dục	STT	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TDG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
1	Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt	1.	Giáo dục Tiểu học	3/2020			Cập nhật 31/3/2020
2	Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	2.	Giáo dục Mầm non	5/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 83,72% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
3	Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk	3.	Giáo dục Mầm non	7/2021			Cập nhật 31/7/2021
4	Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị	4.	Giáo dục Mầm non	7/2021			Cập nhật 31/7/2021
5	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương	5.	Giáo dục Mầm non	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình	6.	Giáo dục Mầm non	11/2021	3/2022 (VNU-CEA)	Đạt 81,4% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
7	Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An	7.	Giáo dục Mầm non	01/2022			Cập nhật 31/01/2022
8	Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên	8.	Giáo dục Mầm non	01/2022			Cập nhật 31/01/2022
9	Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang	9.	Giáo dục Mầm non	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
10	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh	10.	Giáo dục Mầm non	8/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 83,7% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
11	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang	11.	Giáo dục Mầm non	11/2022 3/2024			Cập nhật 31/3/2024
12	Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc	12.	Giáo dục Mầm non	6/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 81,4% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023

13	Trường Cao đẳng Bến Tre	13.	Giáo dục Mầm non	6/2023	11/2023 (CEA- SAIGON)	Đạt 81,4% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
----	----------------------------	-----	------------------	--------	-----------------------------	---------------------------	------------------------

(Danh sách có 1.936 CTĐT, trong đó 1.923 CTĐT các trình độ của GDDH và 13 CTĐT trình độ CDSP)